

MÔ HÌNH GIÁO HỘI THEO TÂN ƯỚC VÀ THẦN HỌC CÔNG GIÁO TRUNG ĐẠI

Tóm tắt: Trên cơ sở chỉ ra những quan điểm cơ bản về giáo hội trong Tân Ước và thần học thời Trung đại, tác giả đề xuất các mô hình nhận thức về giáo hội. Sự chuyển đổi từ mô hình giáo hội nguyên thủy với “Cộng đồng” dựa trên niềm tin và thực hành chung sang mô hình “thiết chế” tập trung vào cơ cấu tổ chức theo quan điểm thần học Trung đại. Bài viết cũng có sự so sánh giữa các mô hình này với nhau và phân tích một số điều kiện dẫn tới sự biến đổi mô hình.

Từ khóa: Công giáo, cộng đồng, giáo hội, mô hình, Tân Ước, thần học, thiết chế.

1. Nhập đề

Nghiên cứu này là sự tiếp nối nghiên cứu đã được tác giả công bố trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12/2013¹. Trên cơ sở phương pháp luận đã chỉ ra, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu cụ thể các mô hình tư tưởng về giáo hội qua Tân Ước và quan điểm của một số nhà thần học Công giáo thời kỳ Trung đại. Chúng tôi chọn Tân Ước và xem đó như khởi nguồn thần học của Kitô giáo nói chung và Công giáo nói riêng. Với chủ đề Giáo hội học thì việc lựa chọn Tân Ước có thể gây ra những tranh luận². Song theo chúng tôi, trong Tân Ước đã có những quan điểm căn bản về giáo hội.

Quá trình tìm hiểu chủ đề tư tưởng về giáo hội từ Tân Ước đến thần học Trung đại cũng đặt ra không ít khó khăn đối với nghiên cứu của chúng tôi, không chỉ bởi những giới hạn chủ quan mà ngay cả từ khách quan do những diễn biến tư tưởng thần học về giáo hội rất đa dạng và phức tạp. Hơn nữa, việc diễn giải những vấn đề này dưới góc độ khoa học, trình bày mạch lạc, đầy đủ cũng không phải chuyện dễ dàng. Cho nên, những kết quả trình bày dưới đây chỉ là sự phản ánh bởi chính cách tư duy và phương pháp luận trong khả năng có thể của chúng tôi.

* ThS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

2. Tư tưởng về giáo hội qua Tân Ước Công giáo

2.1. Những quan điểm về giáo hội trong Tân Ước

Tân Ước là một tập hợp gồm 27 sách, được biên soạn trong thời gian 70 năm sau sự kiện phục sinh của Jesus³. Mặc dù Giáo hội học có đối tượng nghiên cứu là Giáo hội không phải ra đời ngay từ khi Kitô giáo xuất hiện vào thế kỷ I sau Công nguyên, nhưng từ trong Tân Ước, chủ đề Giáo hội đã được đề cập đến⁴. Hơn nữa, chủ đề Giáo hội trong Kinh Thánh lại có vai trò quan trọng đối với diễn biến Giáo hội học Công giáo ở các giai đoạn về sau. Vì sự phát triển của Giáo hội học Công giáo, kể cả những quan điểm về giáo hội của các nhánh khác thuộc Kitô giáo, đều lấy Kinh Thánh làm điểm quy chiếu căn bản để làm luận cứ cho những luận thuyết của mình.

Trong Tân Ước, giáo hội được nhìn nhận qua nhiều khía cạnh từ các dạng thức tồn tại, thành phần tổ chức và sinh hoạt bên trong giáo hội. Các sách trong Tân Ước quan niệm, có hai dạng thức tồn tại của Giáo hội: giáo hội vô hình và giáo hội hữu hình. Trong đó dạng thức giáo hội hữu hình chỉ loại tổ chức giáo hội hiện diện ở trên mặt đất, với những con người cụ thể là Jesus, các môn đệ của Jesus và những người tin theo. Song dạng thức này được Tân Ước quan niệm chỉ là “bước đầu” của dạng thức “Giáo hội Vô hình” hiện diện ở trên “Nước Trời”.

Bên cạnh đó, một khía cạnh khác của vấn đề dạng thức tồn tại của giáo hội cũng được đặt ra trong Tân Ước là giáo hội có một hay nhiều giáo hội. Qua khảo cứu Tân Ước về mặt ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu cho rằng, từ “Ekklesia” được dùng trong nhiều sách, theo các nghĩa khác nhau. Trong *Phúc Âm Nhất Lãm*, từ “Ekklesia” chỉ giáo hội theo nghĩa một nhóm người do Jesus trực tiếp triệu tập, huấn luyện để làm nhiệm vụ truyền giáo. Còn trong *Sách Công vụ Tông đồ*, từ “Ekklesia” thường dùng để chỉ giáo hội tại các địa phương như Giáo hội Jerusalem, Antiokhia và các thành phố khác⁵. Trong *Các thư của Paul*, từ “Ekklesia” xuất hiện nhiều lần với rất nhiều ý nghĩa khác nhau. Trong *Thư gửi tín hữu vùng Ephesus và Colossae*, giáo hội được sử dụng để chỉ sự hội họp của toàn bộ những người theo Jesus. Trong *Các thư của Paul* cũng xuất hiện một thần học về Giáo hội. Chúa Kitô được xem là “đầu”, giáo hội là “thân thể” (Col 1:18). Từ “Ekklesia” xuất hiện 3 lần trong *Thư 3 của Thánh John* (6, 9, 10) chỉ các giáo hội cụ thể.

Về cơ cấu tổ chức của Giáo hội, các quan điểm trong Tân Ước cho thấy do chính Jesus thiết lập bắt đầu bằng việc tuyển chọn các môn đệ. Đặc biệt là đặt quyền cho Peter. Trong *Phúc Âm Matthew*, Tân Ước viết lại lời của Jesus: “Anh là Peter, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy và quyền lực từ thần sẽ không thắng nổi. Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời: dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy”⁶. Các nhà chú giải Kinh Thánh cho rằng, đây chính là việc Jesus đặt Peter giữ vai trò lãnh đạo giáo hội⁷.

Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề gây tranh cãi bởi sự chưa thống nhất trong các văn bản Tân Ước khác nhau cùng ghi chép về sự kiện trên. Dựa vào thuần túy văn bản, nếu xếp *Phúc Âm Matthew* là một trong ba Phúc Âm Nhất Lãm thì các văn bản đối chiếu trong các Phúc Âm khác cũng phải ghi câu đó, nhưng các Phúc Âm khác không ghi như vậy. Trong *Phúc Âm Mark* thuật về việc ông Peter tuyên xưng đức tin với Jesus rằng: “Thầy là Đấng Kitô”. Chúa Jesus liền cấm ngặt các ông không được nói với ai về Người” (Mc 8, 27-30)⁸. Về mặt ngôn từ văn bản, *Phúc Âm Luke* và *Phúc Âm Mark* cũng không nói tới việc Jesus chọn Peter làm tông đồ trưởng để xây dựng giáo hội (Lc 9, 18-21)⁹.

Tất nhiên, chỉ căn cứ vào đoạn văn trên thì chưa đủ để khẳng định hay bác bỏ quan điểm của Kinh Thánh về vai trò của Peter trong giáo hội. Nhưng thực tế điều này cũng phần nào tạo ra những ngã rẽ trong quan điểm thần học Kitô giáo về vấn đề giáo chức trong giáo hội về sau. Đoạn văn trong Matthew đã trở thành một trong những luận điểm khơi nguồn cho xu hướng thần học Công giáo củng cố tổ chức giáo hội, tập trung thống nhất vào giám mục Rome và xem giáo hoàng như là người kế vị của Peter.

Ngoài ra, sách Công vụ Tông đồ (6:5) nói đến bảy người được đề cử để lo cho một cộng đồng “Kitô ngoại kiều”, tức là những người Kitô gốc Do Thái nhưng sống ngoài Israel và chịu ảnh hưởng của xã hội La Mã và Hy Lạp. Cơ cấu tổ chức của nhóm “Kitô gốc Do Thái”, Tân Ước cũng không nói đến. Chỉ sách Công vụ Tông đồ 12:17 (15:4, 13; 21:18) có nhắc tới John, “người anh em của Chúa”, và những trưởng lão khác đóng vai trò lãnh đạo trong Giáo hội tại Jerusalem. Trong *Thư thứ nhất gửi tín hữu tại Thessalonica*, Paul nói đến những người “lãnh đạo anh em nhân danh Chúa”. Việc này xảy ra vào khoảng năm 50, trong cộng đồng sơ

khai của Thessalonica. Một thời gian ngắn sau, Paul lại viết trong *Thư I Corintho* 12:28 về các ân sủng mà Thiên Chúa ban cho cộng đồng Corintho: ơn làm Tông đồ, tiên tri, thầy dạy, làm phép lạ, chữa bệnh, giúp đỡ kẻ khác, quản trị, và nói đến các tiếng lạ¹⁰.

Trong *Thư Philippians*, Paul đề cập đến các giám quản và trợ tá (hoặc phó tế). *Thư I Timothy* và *Titus* có miêu tả nỗ lực đặt các giám quản - giám mục trong các cộng đồng để làm việc cùng các trợ tá. Thế nhưng Tân Ước cũng chưa nói rõ có bao nhiêu vị giám mục - giám quản này đã quản trị tài sản của cộng đồng, giám sát niềm tin và hành động của giáo dân¹¹.

Về sinh hoạt, ứng xử trong các tổ chức thời kỳ sơ khai, *Phúc Âm Matthew* và *Phúc Âm Luke* có chép về việc Jesus dạy các môn đệ phải biết tha thứ cho nhau. Đồng thời, trong Tân Ước, ngôn từ để các môn đệ cũng như giữa các Kitô hữu xưng hô với nhau là “anh em”. Sách Công vụ Tông đồ (2, 42-47) mô tả cuộc sống của cộng đồng những người Kitô giáo thời kỳ đầu với bốn đặc điểm: chuyên cần học hỏi các môn đệ, hiệp thông với nhau, bẻ bánh và hiệp nhất trong cầu nguyện¹².

Chỉ khảo lược như vậy đã cho thấy, các quan niệm trong Tân Ước về giáo hội mang tính đa dạng và được đề cập ở những chiều cạnh khác nhau. Điều đáng chú ý ở chỗ, giáo hội được Tân Ước quan niệm về dạng thức tồn tại vừa hiện hữu trực quan với những con người, địa điểm cụ thể, lại vừa mang tính siêu hình. Tuy nhiên, về cơ cấu tổ chức của giáo hội đã có những manh nha dù những chức vị chưa được định hình rõ.

Nhưng chính sự đa dạng trong quan niệm của Tân Ước về giáo hội lại phản ánh tính sơ khai, nguyên thủy trong thời kỳ đầu của của Kitô giáo. Sự đa dạng này đã chứa đựng những mầm mống, yếu tố làm cơ sở phát triển cho những khuynh hướng thần học về sau.

Nhìn nhận theo quan điểm lịch sử cụ thể, quan niệm về giáo hội trong Tân Ước là sự phản ánh chính sự sơ khai của tổ chức người Kitô giáo buổi ban đầu với số lượng người theo, vị thế chưa mạnh cho nên tổ chức cũng không phải đã được định hình rõ nét, chặt chẽ như tổ chức giáo hội về sau. Những sinh hoạt của tổ chức những người tin theo Jesus ban đầu vẫn chịu ảnh hưởng bởi cách tổ chức của Do Thái giáo, dựa vào những hội đường, một địa điểm thờ cúng đồng thời cũng là nơi hội họp, nghe giảng và cùng tìm hiểu sách thánh¹³. Về sau, các cộng đồng Kitô giáo được hình thành ở các nơi ngoài Jerusalem, tách biệt hẳn với không gian

Do Thái giáo, song lối tổ chức ban đầu vẫn dựa theo cách bầu ra kỳ mục để trông coi cộng đồng.

Hơn nữa, văn bản Tân Ước lại không phải do một người viết ra và cũng không chỉ là sự phản ánh của một địa điểm trong một thời điểm duy nhất. Những sách trong Tân Ước được hình thành trải dài qua những mốc thời gian khác nhau, gắn liền với sự phát triển của Kitô giáo. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thế Thuấn qua cổ bản Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp, sách của Mark được viết trước năm 70, sách của Matthew được viết vào năm 80¹⁴, sách của Luke được viết vào khoảng năm 70 - 80¹⁵, sách của John được viết vào cuối thế kỷ thứ nhất¹⁶, sách Công vụ các Tông đồ được viết vào khoảng năm 62 - 80¹⁷, trong khi đó *Các thư của Paul* được viết trải dài từ năm 52 đến năm 67¹⁸.

Trong khoảng thời gian này, chính các sách của Tân Ước cũng phản ánh những chuyển biến của cộng đồng người theo Kitô giáo từ sự ra đời, phát triển, xung đột với bên ngoài đến củng cố nội bộ¹⁹. Trong quá trình phát triển này, để quản lý những cộng đồng Kitô giáo ở xa, đã xuất hiện những hình thức tổ chức sơ khai. Cho nên, chỉ khảo cứu các sách của Tân Ước cũng cho thấy rõ tính lịch sử của các sách này và có những điểm khác nhau ngay trong một bộ sách mà phía người Kitô giáo tin rằng do cùng một nguồn tạo ra.

2.2. Mô hình giáo hội nguyên thủy

Mặc dù, trong Tân Ước, quan điểm về giáo hội được đề cập tới nhiều chiều cạnh, thể hiện hình dung về một giáo hội đa dạng mô hình tồn tại. Song một vấn đề quan trọng là việc xác định đâu là mô hình gốc, nguyên thủy của giáo hội. Một trong những điều cần thiết đối với việc truy tìm mô hình giáo hội nguyên thủy trong Tân Ước đòi hỏi phải chỉ ra được cộng đồng người theo Kitô giáo đầu tiên được gọi theo khái niệm “giáo hội” (Ekklesia). Tìm hiểu Tân Ước và đối chiếu với các nghiên cứu của các nhà thần học, chúng tôi xác định, cộng đồng đó chính là cộng đồng ở Jerusalem²⁰.

Cần nói thêm rằng, trong tiếng Hy Lạp, thuật ngữ “Ekklesia” có nghĩa gốc dùng để chỉ cuộc hội họp của dân chúng và không hề liên quan gì đến ý nghĩa tôn giáo mà chỉ có nghĩa chính trị thuần túy. Sau đó, thuật ngữ này được dùng theo nghĩa tôn giáo khi các tác giả của bản Kinh Thánh LX (Bản 70) dùng để chuyển ngữ thuật ngữ Do Thái, có nghĩa chỉ sự tụ họp của những người theo Do Thái giáo.

Cộng đồng Kitô giáo ở Jerusalem được gọi là “Ekklesia” bao gồm cả nghĩa cộng đồng địa phương cũng như cộng đồng dùng để chỉ chung. Sau Jerusalem, tên gọi “Ekklesia” cũng sớm được đề cập tới ở Judas, Galileo và Samria²¹. Nhưng nhìn chung, theo Tân Ước, giáo hội là cộng đồng niềm tin chứ chưa phải là giáo hội giáo sĩ²². Vấn đề trọng tâm trong mô hình giáo hội thời kỳ này chủ yếu xoay quanh và nhấn mạnh tới vấn đề mối quan hệ giữa những tín đồ Kitô giáo với Chúa Kitô. Khái niệm trung tâm diễn tả mô hình này, theo chúng tôi, là *Cộng đồng* cùng chia sẻ giá trị chung từ niềm tin, lối sống đến của cải, lấy Chúa Kitô làm điểm quy chiếu, chứ chưa phải là một tổ chức với các cơ quan và thứ bậc các thành viên như Giáo hội Công giáo Rome về sau²³.

Các thành viên trong cộng đồng tôn giáo - Kitô giáo thời Jesus và các tông đồ chủ yếu quần tụ xung quanh Jesus, các tông đồ, cùng chia sẻ những lời dạy của các tông đồ, cùng chung niềm tin tôn giáo, thực hiện nghi lễ chung, cầu nguyện và cùng chia sẻ của cải. Đó là một cộng đồng không mang tính “giai cấp, không phân chia ở bên trong”, các thành viên sống “hài hòa” và “đều được đối xử bình đẳng với nhau”²⁴.

Trong cơ cấu tổ chức, nhóm này nhấn mạnh tới vai trò của người triệu tập nhóm họp, chính là nhân vật Jesus và các môn đồ do Jesus tuyển chọn, huấn luyện, chủ yếu là nhóm 12 tông đồ. Các nhân vật này đóng vai trò là người đứng đầu nhóm phái nhưng được biểu lộ ra với đặc điểm khác thường, mang tính chất siêu nhân, có khả năng làm phép, tiên tri và chữa bách bệnh. Những khả năng này đã được đặt trong những tình huống thử thách, trong đó quan trọng nhất là sự kiện tái sinh của Jesus, hoặc như các vị tông đồ đều được các tín đồ trong cộng đồng ở Jerusalem “kính sợ” vì làm được nhiều điềm thiêng, chữa khỏi bệnh một cách kỳ lạ. Ở đây, chúng tôi không đánh giá những khả năng đó có thật hay không, nhưng rõ ràng, những khả năng siêu nhân này đã trở thành yếu tố quan trọng để người sáng lập Kitô giáo tạo ra sự lôi cuốn người theo²⁵.

Với quy mô nhóm và sự hiện diện của chính người sáng lập tôn giáo, hay là những người truyền thừa trực tiếp của người sáng lập có những đặc điểm siêu nhân, được thiêng hóa, đã tạo ra sự tương tác giữa người theo và người sáng lập tôn giáo mang tính trực tiếp hơn. Đồng thời, ý tưởng của Kitô giáo lấy chính Jesus là người hy sinh tự nguyện để làm trung gian kết nối con người với Thiên Chúa đã làm cho bản thân đội ngũ thầy tế và các vật hiến sinh trong các tôn giáo thời cổ đại ở La Mã không

còn có ý nghĩa mạnh mẽ²⁶. Chính vì thế khâu trung gian với các cơ quan tổ chức không phải là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo của Kitô giáo thời kỳ nguyên thủy.

Đây là điểm khác biệt với mô hình giáo hội theo quan điểm thần học thời Trung đại. Nói cách khác, sự tương tác giữa con người (người Kitô giáo) với cái thiêng (Thiên Chúa) mang tính trực tiếp hơn và không cần phải có sự điều phối từ tổ chức trung gian thực hiện bằng chính những nguyên tắc niềm tin và nghi lễ.

Những người Kitô giáo thời kỳ khởi đầu nhóm họp thành một cộng đồng bởi họ cùng có niềm tin chung và cùng thực hành chung theo một cách để có thể đạt được mục đích theo đuổi trong đời sống tôn giáo của mình. Chính cộng đồng như vậy đã hình thành nên giáo hội theo nguyên nghĩa của nó, như cách gọi của É. Durkheim, là một *cộng đồng luân lý* (moral community), dựa trên cơ sở cùng tuân thủ niềm tin và thực hành chung²⁷.

Mô hình giáo hội kiểu mẫu xuất phát từ cộng đồng Jerusalem dựa trên niềm tin, thực hành và chia sẻ của cái chung đã trở thành quan điểm cơ bản trong tổ chức giáo hội ở các địa phương khác. Các cộng đồng Kitô giáo ở Antiokia, Rome và Corintho cũng đều không có tổ chức các giáo sĩ tồn tại²⁸.

Tuy nhiên, do những sự kiện trong Tân Ước lại được gắn liền với diễn trình lịch sử và các địa điểm khác nhau trong quá trình phát triển của Kitô giáo, cho nên đã tạo ra tính đa dạng, với những manh nha cho một tổ chức có những cơ cấu nhân sự theo hệ thứ bậc. Trong khi đó theo quan niệm Công giáo, toàn bộ Tân Ước lại là những diễn ngôn của Thiên Chúa. Từ đó đã tạo cơ sở tư tưởng cho những triển khai khác nhau trong quan điểm thần học về giáo hội. Vì thế, Kinh Thánh đã trở thành kho tàng chứa đựng những mầm mống để phát triển thành vô số các giáo phái sau này²⁹ khi gặp những điều kiện thích hợp. Trong đó, các nhà thần học Công giáo có lúc lại có xu hướng nhấn mạnh tổ chức giáo hội với cơ cấu nhân sự được phân tầng theo thứ bậc.

3. Giáo hội theo quan điểm thần học Trung đại

3.1. Quan điểm về giáo hội của một số nhà thần học Trung đại

Quá trình phát triển nhanh chóng của Kitô giáo từ thế kỷ II trở đi, sự gắn kết của Kitô giáo với nhà nước La Mã đã tác động rất lớn đến quá trình biến đổi tư tưởng thần học về giáo hội theo hướng thiết chế hóa. Vào đầu

thế kỷ III, các nhà thần học như Tertullian, Cyprien ở Carthage, Hippolyte ở La Mã, Clement và Origene ở Alexandria trực tiếp hoặc gián tiếp đều nói đến đường ranh giới ngăn cách trong cộng đồng những người theo Kitô giáo thành hai nhóm: giáo sĩ và giáo dân. Clement cho rằng, phẩm trật trong trần thế là sự bắt chước phẩm trật trên “Nước Trời”. “Những phẩm trật giám mục, linh mục hay phó tế trong giáo hội ở trần thế là một lối bắt chước sự vinh quang trên Trời và tuân theo sự sắp đặt của Chúa”³⁰.

Xu hướng tư tưởng thiết chế hóa giáo hội này được củng cố và phát triển hơn trong quan điểm về giáo hội của các nhà thần học thời Trung đại như: Augustine, Gregory, Thomas Aquinas, Boniface VIII, trong đó đáng chú ý là nhà thần học Augustine. Quan niệm về giáo hội của Augustine ra đời để giải quyết hai nan đề của giáo hội. Đó là sự xung đột tư tưởng, chia rẽ trong nội bộ của giáo hội do sự phát triển của trường phái tư tưởng Donat; và vấn đề vai trò của giáo hội trong bối cảnh Rome bị thất thủ trước sự tấn công của ngoại bang.

Để bác bỏ quan điểm của nhóm Donat cho rằng, chỉ có giáo hội hoàn toàn tách khỏi thế giới thế tục mới là xứng đáng, Augustine đã dựa vào trường phái triết học Tân Platon và Kinh Thánh để đưa ra quan niệm lưỡng phân về xã hội loài người gồm hai vương quốc Thiện và Ác. Trong đó, giáo hội là vương quốc của điều Thiện. Augustine đã hình dung ra một hệ thống thế giới với cấu trúc tầng bậc và đặc tính khác biệt nhau. Trong đó cái thế giới vô hình lại chính là lực lượng chi phối cái thế giới hiện hữu. Bản thân “Giáo hội trên mặt đất” này có nguồn gốc từ “Giáo hội trên Trời” và có những nguyên tắc luân lý và đạo đức trái ngược hẳn với thế giới thế tục. Cai trị “Giáo hội trên Trời” là Thiên Chúa Ba Ngôi (Tam vị nhất thể) và “Giáo hội trên trần gian” luôn phải hướng về “Giáo hội trên Trời” với tính cách là một thành đô siêu việt, phổ quát và “có thể tích hợp mọi thành đô (xã hội) khác”. Những “công dân” của giáo hội được xem là những “cư dân của trời cao, là khách tha hương”. Chính vì sự chưa hoàn bị cho nên bản thân giáo hội khi còn ở trên Trái Đất được biểu lộ bằng rất nhiều ngôn ngữ, lề luật tạm thời khác nhau, trong nhiều dân tộc đa dạng và luôn quy hướng về giáo hội trên Trời³¹. Điều đó có nghĩa rằng, khi giáo hội còn ở thế giới trần tục thì bản thân nó là một thể chế phức hợp, bao gồm cả những người sạch tội và có tội lỗi, chứ không phải chỉ có một giáo hội gồm toàn bộ những người sạch tội như phái Donat quan niệm.

Chính Augustine là nhà thần học đã góp phần quan trọng biện luận cho sự thống nhất của giáo hội khi khẳng định những giáo hội địa phương, cụ thể chỉ là sự thể hiện và là cầu nối tới một giáo hội duy nhất. Đồng thời khẳng định đích đến của giáo hội khác với thế giới trần tục.

Kế thừa tư tưởng của Augustine và chịu ảnh hưởng bởi quan niệm về trật tự sắp xếp các sự vật hiện tượng trong vũ trụ³² của các nhà triết học phái Tân Platon, nhà thần học và triết học Pseudo-Dionysius (cuối thế kỷ V - đầu thế kỷ VI) tiếp tục phát triển quan niệm về phẩm trật của giáo hội. Theo Pseudo-Dionysius, Thiên Chúa Ba Ngôi là lực lượng đã tạo ra các tôn tại khác cũng như thành lập ra các tổ chức với những cấp bậc khác nhau, từ giáo hội siêu hình tới giáo hội hiện thực trên trần gian³³. Pseudo-Dionysius quan niệm chính sự xuất hiện của Chúa Jesus đã biến đổi Hội đường Do Thái thành Giáo hội³⁴.

Trong đó, Giáo hội trong “Nước Trời” do Thiên Chúa xác lập gồm các thiên thần được chia thành 9 cấp bậc: *Thiên thần* (Angels), *Tổng lãnh Thiên thần* (Archangels), *Lãnh thần* (Principedoms), *Quyền thần* (Powers), *Dũng thần* (Virtues), *Quản thần* (Dominations), *Bệ thần* (Thrones), *Tuệ thần* (Cherubim) và *Nhiệt thần* (Seraphim)³⁵. Dionysius cho rằng, Chúa Cha, Con và Thánh Thần là ba ngôi sáng tạo ra tất cả sự vật. Cả ba Ngôi đã thành lập ra từ tổ chức này đến tổ chức khác, từ cấp bậc này đến cấp bậc khác³⁶.

Hệ thứ bậc các vị thần trên Trời theo quan điểm của Dionysius³⁷

Thiên Chúa (God)		
Chúa Cha (Father)	Chúa Con (Son)	Chúa Thánh Thần (Holy Ghost)
Bệ Thần (Thrones)	Tuệ Thần (Cherubs)	Nhiệt Thần (Seraphs)
Quyền Thần (Powers)	Dũng Thần (Virtues)	Quản Thần (Dominations)
Thiên Thần (Angels)	Tổng lãnh Thiên Thần (Archangels)	Lãnh Thần (Principedoms)

Nhà thần học Dionysius lập luận rằng, hệ thống thứ bậc trong tổ chức của người Kitô giáo trên Trái Đất là sự sắp xếp có hệ thống và khái quát về những thứ đã được thiêng hóa. Trong đó, hệ thống thứ bậc của giáo hội được chia ra làm 8 hàng: giám mục, linh mục, phó tế, tu sĩ, giáo dân,

tân tòng, người đền tội và người bị quỷ ám³⁸. Những bậc tòng tại cao hơn sẽ điều khiển những bậc tòng tại thấp hơn. Các chức vụ như giám mục, linh mục và phó tế đều bắt nguồn từ thế giới thiêng. Riêng chức vị và nghĩa vụ của giám mục đã bao hàm trong đó và chứa đựng tất cả các vật thiêng. Thông qua giám mục, tất cả những gì của Thiên Chúa sẽ được chuyển tới tất cả các tổ chức của giáo hội, và từ giám mục không cái gì đi thẳng vào giáo hội mà trước tiên không chứa đựng ở bên trong giám mục³⁹. Chính những lập luận này đã góp phần đưa giám mục trở thành một chức vị có quyền ban phát các giá trị tôn giáo cho người giáo dân. Quan niệm đó cũng phần nào tạo ra dạng quan hệ thứ bậc theo hình chóp trong giáo hội và có ảnh hưởng lâu dài trong tư tưởng thần học về giáo hội của Công giáo.

Đến Gregory VII, Thomas Aquinas tiếp tục nhấn mạnh tới vai trò của giám mục và sự thống nhất của giáo hội. Tuy nhiên, quan niệm giáo hội đã đến chỗ đề cao vai trò của giáo hoàng, xem giáo hội là một tổ chức được điều hành bởi một giáo hoàng duy nhất Rome.

Gregory VII (1073 - 1085) đã đưa ra những mệnh đề chủ trương dành quyền tối thượng cho chức giáo hoàng, khẳng định chỉ có một mình giáo chủ Rome là người có quyền mang tước hiệu giáo chủ toàn cầu và có quyền đối với toàn thể giáo hội Công giáo trên thế giới⁴⁰.

Còn Thomas Aquinas không dành riêng khảo luận cho chủ đề giáo hội nhưng các quan điểm về giáo hội đã được đề cập rải rác trong một số tác phẩm thần học. Trong *Tổng luận Thần học*, Thomas Aquinas đã triển khai thêm luận điểm của Paul về quan điểm xem giáo hội như một thân thể mầu nhiệm với Chúa Kitô là “đầu duy nhất”. Nhưng ngay cả trong một giáo hội cũng có những thành phần khác nhau, được sắp xếp theo thứ tự có mức độ tiếp cận khác nhau với Thiên Chúa⁴¹.

Vấn đề cấp bậc của hàng giáo sĩ trong giáo hội đã được Thomas Aquinas đề cập tới nhiều trong tác phẩm *Chống lại các sai lầm của người Hy Lạp*. Với những luận điểm đề cao giáo hoàng, Thomas Aquinas đã trở thành nhà biện hộ lớn cho ngôi vị giáo hoàng theo chủ thuyết tập trung trong tinh thần của Gregory VII và Innocent III. Giáo hoàng Rome là giám mục đầu tiên và lớn nhất trong số tất cả các giám mục. Giáo hoàng được xem là người đại diện của Chúa Kitô (Vicar of Christ) có quyền phán xét toàn bộ Giáo hội của Chúa Kitô⁴². Peter là người đại diện của

Chúa Kitô và Giáo hoàng Rome là người kế tục Peter nên cũng có quyền tương tự như Peter đã được Chúa Kitô giao cho.

Đáng chú ý, Thomas Aquinas coi giáo hoàng là một chức vị cần thiết cho sự cứu độ. Quan điểm về giáo hội của Thomas Aquinas được xem là một chỗ dựa ý thức hệ cho hệ thống giáo hội mới theo thiết chế chuyên chế và những yêu sách cả đạo lẫn đời cho chức vụ giáo hoàng.

Trong khi Augustine chỉ ra chiều hướng vận động của giáo hội hướng tới một thể giới vô hình thì Aquinas đã nhấn mạnh tới cơ cấu hữu hình của giáo hội và tập trung vào chính vai trò của giáo hoàng và giáo sĩ. Song quan điểm của Thomas Aquinas đã góp phần bổ sung vào chính hệ hình tư tưởng về giáo hội ở thời Trung đại. Đến đây, sự nhất thể hóa của giáo hội đã được luận chứng một cách chặt chẽ trong cả chiều cạnh siêu hình và hữu hình. Đặc biệt là sự thống nhất tập trung cao độ vào chức vụ giáo hoàng Rome.

3.2. Mô hình giáo hội biến đổi theo quan điểm thần học Trung đại

Sau thời Jesus và các tông đồ, mô hình cộng đồng đã thay đổi. Những người theo Kitô giáo đã được tập hợp theo tổ chức có một hệ thứ bậc nội bộ, gắn với các chức năng khác nhau. Tổ chức đó được thần học thời Trung đại biện luận một cách chặt chẽ hơn khi tiếp thu cách tư duy triết học của Hy Lạp và tổng kết, khái quát hóa tư tưởng trong Kinh Thánh.

So với mô hình giáo hội được đề cập trong Tân Ước, nhận thức về mô hình giáo hội theo tư tưởng thần học Trung đại đã có sự thay đổi rõ rệt. Giáo hội không còn được quan niệm đơn thuần là một mô hình cộng đồng được quy tụ vào thủ lĩnh tôn giáo, dựa trên niềm tin và thực hành chung mà chuyển sang “mô hình thần quyền”⁴³ được thiết chế hóa, có hệ thống tổ chức chặt chẽ với một tầng lớp giáo chức như là những người đại diện cho quyền lực của Thiên Chúa và sở hữu những “vật thiêng” như Pseudo-Dionysius đã nói.

Sự phân tầng thứ bậc trong tổ chức này đã tạo ra sự thay đổi mối quan hệ giữa người tín đồ với Thiên Chúa của họ. Những người đại diện cho Thiên Chúa là những người gần nhất với Thiên Chúa, có thể ban phát⁴⁴ những thứ thiêng liêng mà họ sở hữu, đã khiến cho sự tương tác giữa tín đồ bình thường với Thiên Chúa từ chỗ trực tiếp sang gián tiếp và phải thông qua một tổ chức quy củ có đội ngũ trung gian là các giáo sĩ cách biệt với giáo dân thường.

Bước dịch chuyển về mặt tư tưởng thần học này, theo quan điểm nghiên cứu của chúng tôi, có thể tóm gọn vào trong khái niệm: *cộng đồng - thiết chế*. Trong khi mô hình cộng đồng, nhấn mạnh tới sự tương tác của các thành viên với cái thiêng một cách trực tiếp, thông qua sự chia sẻ niềm tin và thực hành nghi lễ chung, thì mô hình thiết chế tập trung vào cơ cấu tổ chức và tạo nên bộ máy phân tầng các thành viên không chỉ trong mối quan hệ giữa họ mà quan trọng hơn là trong mức độ tiếp cận với cái thiêng.

Quan điểm thần học xem giáo hội như là một thiết chế cần thiết để người theo có thể đạt tới mục đích trong đời sống tôn giáo của mình đã trở thành một mệnh đề quan trọng trong thần học Công giáo luận chứng cho sự tồn tại của giáo hội đối với vai trò kết nối giữa tín đồ và cái thiêng.

Song để tạo bệ đỡ cho mệnh đề đó, có nghĩa rằng để biện luận cho vai trò cầu nối không thể thiếu của giáo hội trong việc đưa tín đồ đến với Thiên Chúa, các nhà thần học đã luận giải bản thân giáo hội cũng phải có tính chất thiêng. Điều này được thực hiện bằng chính việc xác định giáo hội là sản phẩm của Thiên Chúa, đội ngũ giáo sĩ trong giáo hội là những người sở hữu cái thiêng, các giám mục chính là những người kế vị các tông đồ và chỉ có giáo hội mới có quyền giải thích Kinh Thánh.

Tuy nhiên, sự tập trung hóa và nhấn mạnh vào vai trò của giáo hoàng, cộng với sự đồng nhất giữa cái thiêng và chính cơ cấu tổ chức của giáo hội, đã đưa giáo hội từ vai trò trung gian đôi khi trở thành một điều kiện bắt buộc⁴⁵ không thể thiếu trong hành trình thực hành đời sống tôn giáo của người giáo dân, thậm chí giáo hội còn trở thành một giá trị bắt buộc người giáo dân phải tin, giáo quyền đôi khi không còn phục vụ sự kết nối trong cộng đồng tôn giáo, có lúc đã trở thành thứ “tôn giáo” mà tín đồ phải tuân phục, sự thần thánh hóa tầng lớp giáo chức đã tạo ra sự cách biệt của họ với những người giáo dân.

Như thế, giáo hội từ mô hình gốc là cộng đồng được “cứu rỗi”, dần dần đã được quan niệm như một thiết chế được “cứu rỗi”⁴⁶. Mô hình cộng đồng cùng niềm tin, được lôi cuốn bởi thủ lĩnh tôn giáo đã trở thành một mô hình thiết chế thần quyền với đội ngũ lãnh đạo được quan niệm như là những người có uy quyền, đại diện cho ý chí của thần thánh⁴⁷.

3.3. Điều kiện chuyển đổi mô hình

Một trong những điều kiện dẫn tới sự dịch chuyển mô hình nhận thức về giáo hội là do tác động của chính sự vận động biến đổi Kitô giáo qua các thời kỳ. Sau thời kỳ Tông đồ, Kitô giáo đã phát triển tới các vùng khác nhau. Sự mở rộng phạm vi và tín đồ đòi hỏi phải có sự nhất thể hóa về mặt tổ chức để thống nhất những người có chung một niềm tin. Điều này lại càng thuận lợi hơn khi Kitô giáo gắn với nhà nước trong thời kỳ Đế quốc La Mã lớn mạnh.

Sự hội nhập Kitô giáo vào đời sống xã hội đã dẫn tới sự mô phỏng cách tổ chức giáo hội theo xã hội dân sự. Thời kỳ đầu thế kỷ III, các giáo hội chủ yếu sinh hoạt trong khuôn khổ các thành phố, sang thế kỷ IV, các cộng đồng Kitô giáo được tập trung hóa và được phân chia theo cấu trúc địa lý. Hơn nữa, đội ngũ giáo sĩ, giám mục có không ít người chạy theo quyền thế và là tầng lớp được hưởng nhiều đặc ân, không phải đóng thuế, miễn tạp dịch và nghĩa vụ quân sự. Chức giám mục được trọng vọng cả về mặt xã hội và mặt tôn giáo. Giám mục là người được giao quyền quản trị tài sản của giáo hội, trở thành người có quyền hành trong sinh hoạt của cộng đồng Kitô giáo và đóng vai trò phân phối những lợi ích vật chất cho các thành viên của giáo hội⁴⁸. Điều đó đã phần nào đẩy khoảng cách giữa giáo sĩ và giáo dân ngày càng xa, người giáo dân đã trở thành “người bị trị” ngay trong guồng máy của giáo hội thời Trung đại.

Trong khi đó, trung tâm Kitô giáo thay đổi từ Jerusalem sang Rome về mặt địa - chính trị và tôn giáo đã góp phần cho sự xác lập vai trò quan trọng của cộng đồng Kitô giáo ở Rome và Giám mục Rome. Cuộc chiến tranh chống lại Đế quốc La Mã của người Do Thái diễn ra vào những năm 66 - 70, năm 115 và năm 132 bị thất bại đã dẫn đến hệ quả là sự sụp đổ của Jerusalem theo cả nghĩa chính trị và tôn giáo. Jerusalem được người La Mã xây cất các ngôi đền thờ thần Jupiter (Giovi) thay vì thánh địa Kitô giáo như trước đó⁴⁹. Trong khi đó, suốt thế kỷ III, vai trò của giáo hội tại Rome ngày càng lớn mạnh do sự lớn mạnh của cộng đồng Kitô giáo ở Rome. Tới giữa thế kỷ III có khoảng 30 nghìn người, chiếm 5% dân số thành phố, với khoảng 50 linh mục và 100 tu sĩ. Sự chăm sóc người nghèo, chu cấp cho các giáo hội nghèo hơn suốt thời Đế quốc La Mã và đời sống được tổ chức tốt ở bên trong cộng đồng này được xem như là một mẫu hình. Lúc đó, tại La Mã còn có các cộng đồng Kitô giáo ở Bắc Phi với Carthage là trung tâm, và các vùng xa xôi khác như Tây Ban Nha và Gaul đều quy hướng về Rome⁵⁰.

Không chỉ vậy, trong các cuộc xung đột giáo hội, các đảng phái đã gia tăng xu hướng trở về Rome. Hơn nữa, vị trí của Rome lại chính là thủ phủ của đế quốc, do đó đương nhiên nó có uy lực. Đồng thời, Rome trở thành trung tâm bởi đây được xem là thành phố mà Peter và Paul đã tử đạo⁵¹. Chính những điều này đã tạo điều kiện cho việc đề cao vai trò của Giám mục Rome và luận điểm Giám mục Rome chính là người kế vị Peter.

Xét theo lý thuyết chức năng và hệ hình thì mô hình giáo hội thiết chế chính là sản phẩm ra đời trong bối cảnh xung đột, khủng hoảng tư tưởng thần học về giáo hội sau khi Jesus và các tông đồ mất đi, cộng với thời gian đã đẩy xa lời dạy ban đầu của người sáng lập tôn giáo đối với những người theo, dẫn đến sự nảy sinh nhiều cách hiểu và các trường phái tư tưởng khác nhau, thậm chí là xung khắc nhau. Sự tranh luận giữa các trường phái tư tưởng tự bản thân nó cũng đã tạo điều kiện cho sự phủ định lẫn nhau để cho ra đời những cái mới. Trong đó, trường phái tư tưởng nào đáp ứng được nhu cầu phát triển của Kitô giáo và thích ứng với bối cảnh lịch sử sẽ trở thành trường phái chủ lưu. Quá trình hội nhập của Giáo hội vào đời sống dân sự, trở thành một tổ chức có sự phân chia tầng lớp giáo sĩ và giáo dân, quyền lực tập trung vào chức vụ giám mục đã trở thành một xu thế mạnh mẽ từ thế kỷ II trở đi. Sự song hành giữa nhà nước và giáo hội từ sau *Chiếu chỉ Milan* năm 313, sự gia nhập tầng lớp giáo sĩ của các quan chức càng tạo điều kiện cho sự củng cố vị thế của giáo hội và giáo sĩ. Bối cảnh đó đã tạo cơ sở cho sự thăng thế của xu hướng thần học đề cao vai trò của giáo sĩ, củng cố sự thống nhất của Giáo hội và sự vận hành theo cơ chế tập quyền trung ương. Trong khi các tư tưởng thần học phủ nhận vai trò của Giáo hội, chủ trương chỉ cần quy hướng về Thiên Chúa đã không thể thống trị được trong tư tưởng thần học lúc bấy giờ.

Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa thần học chỉ ra đời một cách thụ động, đơn thuần dựa theo cơ sở lịch sử xã hội và tổ chức thực tiễn của giáo hội. Sự tương tác giữa quan điểm thần học về giáo hội và việc triển khai tổ chức giáo hội trong thực tiễn có tính chất biện chứng. Chính những quan điểm thần học đã trở thành công cụ bảo vệ sự tồn tại của giáo hội và định hướng cho những tuyên bố của những công đồng và giáo quyền đối với vấn đề giáo hội.

Ngoài ra, một điều kiện không thể không nhắc đến khi đề cập tới các điều kiện dẫn đến thay đổi cấu trúc tư tưởng thần học về giáo hội, đó là

sự tiếp xúc và mở rộng ảnh hưởng của các trường phái triết học Hy Lạp đối với các nhà thần học. Chính cách tư duy khái niệm đã định hình nên lối tư duy thần học luôn muốn giải thích rõ ràng về cái thế giới siêu hình và thế giới vật chất. Sử dụng lối tư duy này, các nhà thần học đã đưa ra những hình dung về một thế giới siêu hình cũng có trật tự. Đối với thế giới hiện hữu cũng là một tổ chức có trật tự, thứ bậc và là biểu hiện phái sinh của thế giới siêu hình. Nói cách khác thì chính cái thế giới siêu hình lại là cái duy trì trật tự của cái thế giới hữu hình, giáo hội siêu hình chi phối giáo hội trên trần gian. Từ đó đã đẩy tới quan niệm nhìn nhận giáo hội là một thực thể thống nhất, tạo ra xu hướng tổ chức tập trung hóa cao độ, từ các cơ quan tổ chức của giáo hội hiện hữu tới hệ thống các thần thánh của giáo hội siêu hình.

4. Kết luận

Sách Tân Ước đã có những quan điểm về giáo hội trên nhiều chiều cạnh. Nhưng nổi lên và chi phối sự xác lập mô hình tổ chức trong thời kỳ nguyên thủy của người Kitô giáo là quan điểm xem giáo hội như một cộng đồng niềm tin và cùng thực hành những sinh hoạt chung. Sự xuất hiện của những yếu tố về một tổ chức giáo hội với cơ cấu nhân sự để lo việc quản trị giáo hội mới chỉ ở dạng manh nha.

Càng về sau, xu hướng xem giáo hội như một thiết chế với đội ngũ giáo sĩ được phân tầng thứ bậc, và tách biệt với giáo dân càng trở nên rõ rệt. Quá trình biến đổi tư tưởng thần học này không chỉ là sự phản ánh hiện thực thay đổi của tổ chức giáo hội trong bối cảnh hành chính hóa theo tổ chức nhà nước mà còn bảo vệ sự tồn tại hợp lý của giáo hội. Chính mô hình giáo hội được xây dựng bởi tư tưởng thần học đã trở thành một yếu tố tham gia vào quá trình hình thành, triển khai tổ chức giáo hội thực tiễn. Sự kết hợp giữa thần học và triết học Hy Lạp đã tạo ra chính những hình dung về một hệ thống giáo hội có trật tự hơn và thậm chí còn trở nên sơ cứng khi giáo hội siêu hình được các nhà thần học cấu trúc hóa hệ thống thứ bậc các vị thần. Xu hướng thiết chế hóa đã trở thành một xu thế lớn và tất yếu. Đây cũng là một cách thức để củng cố sự liên kết của những người Kitô giáo và bảo vệ sự tồn tại của tôn giáo này trong những thời điểm có nhiều xáo trộn. Tuy nhiên, xu hướng đó đã phải đối diện với rất nhiều thách thức, đặc biệt là đến thế kỷ XVI khi xuất hiện phong trào Tin Lành./

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem Dương Văn Biên (2013), “Bàn về mô hình giáo hội theo tư tưởng Giáo hội học Công giáo”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12: 50 - 69. Trong bài viết lần này, chúng tôi bổ sung thêm cách tiếp cận Tôn giáo học. Trong đó vấn đề cơ bản mà chúng tôi quan tâm chính là mối quan hệ giữa con người và cái Thiêng. Cụ thể ở đây là mối quan hệ giữa người Kitô giáo và Thiên Chúa. Mô hình giáo hội được chúng tôi nhìn nhận chủ yếu là cách thức tổ chức để kết nối giữa người Kitô giáo và Thiên Chúa.
- 2 Có những nghiên cứu thần học kết nối chủ đề giáo hội với Kinh Thánh Cựu Ước. Chúng tôi không bác bỏ quan điểm này nhưng chúng tôi cho rằng, ở Kinh Thánh Cựu Ước mới đưa ra chỉ báo về kế hoạch sáng lập ra giáo hội của Thiên Chúa nhưng chỉ tới Kinh Thánh Tân Ước, giáo hội mới chính thức ra đời và thành hình. Điều này cũng sát hợp với những dữ kiện lịch sử và phù hợp với quan điểm nghiên cứu khoa học bên ngoài thần học.
- 3 *Kinh Thánh Cựu Ước & Tân Ước: Lời Chúa cho mọi người*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012: 1573.
- 4 Peter Neuner, *Giáo hội học qua các tác giả, Dẫn nhập, tuyển chọn và giới thiệu trong bộ Texte Zur Dogmatik*, Lưu hành nội bộ trong Giáo hội, không rõ năm xuất bản: 21.
- 5 John L. McKenzie, S.J. (1965), *The Dictionary of the Bible*, Macmillan Publishing Company: 135.
- 6 Matthew 16,20, Mc 8,27-30; Lc 9,18-21 trong *Kinh Thánh trọn bộ, Cựu Ước và Tân Ước*: 1625.
- 7 *Kinh Thánh Cựu Ước & Tân Ước: Lời Chúa cho mọi người*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2010: 1624.
- 8 Xem đoạn *Ông Peter tuyên xưng đức tin* trong *Kinh Thánh Trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, sđd: 1874.
- 9 Xem đoạn *Ông Peter tuyên xưng Đức Jesus là Đấng Kitô của Thiên Chúa* trong *Kinh Thánh Trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, sđd: 1960.
- 10 Raymond E. Brown (2009), *Trả lời 101 câu hỏi về Kinh Thánh*, An Tôn & Đuốc Sáng: 80.
- 11 Raymond E. Brown (2009), *Trả lời 101 câu hỏi về Kinh Thánh*, sđd: 81.
- 12 Peter Neuner, *Giáo hội học qua các tác giả*, sđd: 39.
- 13 Bùi Đức Sinh (1972), *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Chân Lý xuất bản, Sài Gòn: 16; Đào Trung Hiệu (1994), *Cuộc lữ hành đức tin, Tập I: Giáo hội thế kỷ I - XIV*, Lưu hành nội bộ: 6.
- 14 *Kinh Thánh Tân Ước*, tái bản lần thứ tư, bản dịch của Lm. Nguyễn Thế Thuấn, theo các cổ bản Hy Lạp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008: 10
- 15 *Kinh Thánh Tân Ước*, tái bản lần thứ tư, bản dịch của Lm. Nguyễn Thế Thuấn, sđd: 121
- 16 *Kinh Thánh Tân Ước*, tái bản lần thứ tư, bản dịch của Lm. Nguyễn Thế Thuấn, sđd: 188
- 17 *Kinh Thánh Tân Ước*, tái bản lần thứ tư, bản dịch của Lm. Nguyễn Thế Thuấn, sđd: 255.

- 18 *Kinh Thánh Tân Ước*, tái bản lần thứ tư, bản dịch của Lm. Nguyễn Thế Thuần, sđd: 326 - 327.
- 19 Tham khảo thêm *Phần Tiểu dẫn* trong *Kinh Thánh Tân Ước*, tái bản lần thứ tư, bản dịch của Lm. Nguyễn Thế Thuần, sđd.
- 20 *Công vụ Tông đồ 5:11* trong *Kinh Thánh trọn bộ, Cựu Ước và Tân Ước*.
- 21 Hans Kung (Salvator Attanasio dịch sang tiếng Anh, 1964), *Structures of the Church*, Thomas Nelson & Sons, New York: 11 - 12.
- 22 Hans Kung, *Structures of the Church*, sđd: 291.
- 23 Raymond E. Brown, *Trả lời 101 câu hỏi về Kinh Thánh*, sđd: 103.
- 24 Alexandre Faivre (Nguyễn Đăng Trúc dịch, 2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 30 - 31.
- 25 Theo Kinh Thánh Tân Ước, ngay kể cả môn đệ đầu tiên của Jusus là Peter cũng đã theo Jesus bởi chứng kiến phép lạ của Jesus.
- 26 Xem thêm *Bàn về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ* trong *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, tập 22, sđd: 678.
- 27 É. Durkheim (Joseph Ward Swain dịch sang tiếng Anh) (1956), *Elementary forms of Religious Life*, The MacMillan Company, New York: 43 - 44, 47.
- 28 Hans Kung, *Structures of the Church*, sđd: 198.
- 29 *Bàn về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ* trong *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, tập 22, sđd: 699.
- 30 Alexandre Faivre (Nguyễn Đăng Trúc dịch, 2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 108 - 109.
- 31 Augustine, *The City of God*: 255.
- 32 Thuật ngữ “hierarchy” chỉ trật tự tồn tại của vũ trụ trong siêu hình học của Plotinus gồm cái Nhất thể, Tâm trí Thiêng liêng, Linh hồn thiêng liêng và Thân thể đã được vận dụng vào trong khảo luận thần học của Dionysius.
- 33 Pseudo-Dionysius (John Colet, Bell and Daldy dịch) (1869), *Two Treatises on Hierarchies of Dionysius*, York Street, Convent Garden: 15.
- 34 Pseudo-Dionysius (John Colet, Bell and Daldy dịch) (1869), *Two Treatises on Hierarchies of Dionysius*, “Transforming the Synagogue into the Church”, sđd: 7 - 8.
- 35 Pseudo-Dionysius (John Colet, Bell and Daldy dịch, 1869), sđd: 20.
- 36 Pseudo-Dionysius (John Colet, Bell and Daldy dịch, 1869), sđd: 15.
- 37 Pseudo-Dionysius (John Colet, Bell and Daldy dịch, 1869), sđd: 42.
- 38 Bishop, Priest, Deacon, Monk, laity, Catechumen, Penitent, Demon-possessed.
- 39 Pseudo-Dionysius (John Colet, Bell and Daldy dịch, 1869), sđd: 54.
- 40 Peter Neuner, *Giáo hội học qua các tác giả*: 131 - 132.
- 41 Xem: *Tổng luận thần học*, dẫn theo Peter Neuner: *Giáo hội học qua các tác giả*, sđd: 163 - 165.
- 42 St. Thomas Aquinas, *Contra errors Graecorum*, bản dịch tiếng Anh của Peter Damian Fehlner, Chapter 32: 33.
<http://dhspriority.org/thomas/ContraErrGraecorum.htm#6>
- 43 Sabino Acquaviva, Enzo Pace (Lê Diên dịch, 1998), *Xã hội học tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 163.

- 44 Thậm chí theo Thomas Aquinas, những giáo sĩ đại diện cho Chúa Kitô có quyền “ban phát” các bí tích cho các tín hữu.
- 45 Công đồng Nicea và Constantinopoli đã tuyên bố Giáo hội là một tín điều buộc phải tin.
- 46 Avery Cardinal Dulles, *Models of the Church*, sđd: 41. “In its former aspect the Church is community of salvation, in its latter aspect, institution of salvation”.
- 47 Sabino Acquaviva, Enzo Pace (Lê Diên dịch), *Xã hội học tôn giáo*, sđd: 161 - 162.
- 48 Alexandre Faivre (Nguyễn Đăng Trúc dịch, 2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, sđd: 244
- 49 Bùi Đức Sinh (1972), *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, sđd: 47.
- 50 Klaus Schatz (1996), *Papal Primacy from its Origins to the Present*, The Order of St. Benedict, Inc, Collegeville, Minnesota: 18 - 19.
- 51 Klaus Schatz (1996), *Papal Primacy from its Origins to the Present*, sđd: 18 - 19.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexandre Faivre (2010), *Giáo dân trong những thế kỷ đầu của Giáo hội*, bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Đăng Trúc, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Avery Dulles (2002), *Models of the Church*, Doubleday, New York.
3. Augustine: *City of God (The City of God, Vol. 1*, Marcus Dods dịch sang tiếng Anh, Edinburch, 1913; *The City of God, Vol. 2*, The Temple Press Letchworth, London, 1945).
4. Michel Cool (2013), *Phanxicô - Giáo hoàng của thế giới mới*, An Tôn & Đuốc Sáng.
5. *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, tập 22, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
6. *Điển ngữ thần học Thánh Kinh quyển 1 A-L*, Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X, Đà Lạt, Việt Nam, Lưu hành nội bộ.
7. Émile Durkheim (Joseph Ward Swain dịch sang tiếng Anh, 1956), *Elementary Forms of Religious Life*, The MacMillan Company, New York.
8. Felipe Gómez, S.J. (2006), *Giáo hội học - Thần học tín lý 3-4*, An tôn & Đuốc sáng.
9. Đào Trung Hiệu (1994), *Cuộc lữ hành đức tin, Tập 1: Giáo hội thế kỷ I - XIV*, Lưu hành nội bộ.
10. Hans Kung (1963), *The Council in Action - Theological Reflections on the Second Council*, Sheed and Ward, New York.
11. Hans Kung (1964), *Structures of the Church*, Salvator Attanasio dịch sang tiếng Anh, Nxb. Thomas Nelson & Sons, New York.
12. Hans Kung (2010), *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nguyễn Nghị dịch sang tiếng Việt, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
13. *Kinh Thánh Trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.

14. *Kinh Thánh Tân Ước*, tái bản lần thứ tư, bản dịch của Lm. Nguyễn Thế Thuấn, theo các cổ bản Hy Lạp, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008.
15. *Kinh Thánh Cựu Ước & Tân Ước - Lời chúa cho mọi người*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012.
16. Klaus Schatz (1996), *Papal Primacy from its Origins to the Present*, The Order of St. Benedict, Inc, Collegeville, Minnesota.
17. Peter Neuner, *Giáo hội học qua các tác giả*, Đại Chủng viện Thánh Giuse, Hà Nội, tr. 21 - 46.
18. Pseudo-Dionysius (John Colet, Bell and Daldy dịch, 1869), *Two Treatises on Hierarchies of Dionysius*, York Street, Convent Garden.
19. Thomas Kuhn (2009), *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, Bản dịch tiếng Việt của Chu Lan Đình, Nxb. Tri thức.
20. Thomas Aquinas: *Contra Errors Graecorum (Against the Errors of the Greeks)*, Peter Damaian Fehlner dịch sang tiếng Anh. <http://dhspritory.org/thomas/ContraErrGraecorum.htm#6>
21. Yves Congar (1959), *After Nine Hundred Years - The Background of the Schism between the Eastern and Western Churches*, Fordham University Press, New York.
22. Sabino Acquaviva, Enzo Pace (Lê Diên dịch, 1998), *Xã hội học tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Bùi Đức Sinh (1972), *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, tập 1, Chân Lý xuất Bản, Sài Gòn.

Abstract

MODELS OF CHURCH ACCORDING TO THE NEW TESTAMENT AND MEDIEVAL CATHOLIC THEOLOGY

Introducing the fundamental perspective on the Church according to the New Testament and Medieval Theology, the author proposes the cognition of models of church. The transformation from primitive model of church based on the community of faith and common practice into institutional model focused on organizational structure. It also compares these models and analyzes the conditions that led to this transformation.

Keywords: Catholicism, community, church, model, New Testament, theology, institution.